

Thứ tư, ngày 6 tháng 1 năm 2021

Vietnam Daily Review

Tiến tới 1,150 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 7/1/2021			•
Tuần 4/1-8/1/2021			•
Tháng 1/2021		•	

Nhận định:
Thị trường cơ sở: Sắc xanh tiếp tục bao phủ thị trường trong phiên giao dịch ngày hôm. Dòng tiền đầu tư có dấu bắt đầu co cụm vào 1 số ngành chủ chốt khi chỉ có 12/19 ngành tăng điểm. Thanh khoản thị trường tăng nhẹ, biên độ thị trường nói rộng và độ rộng thị trường tích cực phản ánh dòng tiền nội địa mạnh mẽ trên thị trường. Khối ngoại quay trở lại mua ròng trên HSX trong khi bán ròng trên sàn HNX. Với dòng tiền từ khối nội và khối ngoại tiếp tục ủng hộ xu hướng tăng điểm của thị trường, VN-Index nhiều khả năng sẽ thành công kiểm tra lại ngưỡng 1,150 điểm trong các phiên giao dịch tới. Tuy nhiên, BSC xin quý nhà đầu tư lưu ý về phiên điều trần về việc Việt Nam thao túng tiền tệ của bộ thương mại Mỹ sẽ diễn ra vào ngày 07/01 (giờ Mỹ) có thể sẽ gây một số biến động mạnh cho thị trường vào cuối tuần.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 1095 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 6/1/2021, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng mạnh.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:
Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Cổ phiếu đầu ngành tài chính_2.4%

Phân tích kỹ thuật: MPC_Tăng giá (Trang 4)

- Điểm nhấn**
- VN-Index +10.66 điểm, đóng cửa 1,143.21 điểm. HNX-Index +3.55 điểm, đóng cửa 211.68 điểm.
 - Kéo chỉ số tăng: VCB (+5.69), CTG(+2.45), BID(+0.98), BCM (+0.53), VIC(+0.46).
 - Kéo chỉ số giảm: GVR (-0.81); VHM(-0.72); VNM(-0.56); MSN(-0.32); POW(-0.19).
 - Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 15,914 tỷ đồng, +7.8% so với phiên trước.
 - Biên độ dao động là 19.15 điểm, nói rộng so với phiên trước. Thị trường có 244 mã tăng, 64 mã tham chiếu và 197 mã giảm.
 - Giá trị mua ròng của khối ngoại: 227.16 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm CTG (108.4 tỷ), VCB (61 tỷ) và HDB (51.8 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị -14.11 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX **1143.21**
Giá trị: 15914.66 tỷ 10.66 (0.94%)
Khối ngoại (ròng): 227.16 tỷ

HNX-INDEX **211.68**
Giá trị: 771.04 tỷ 3.55 (1.71%)
Khối ngoại (ròng): -14.11 tỷ

UPCOM-INDEX **74.82**
Giá trị: 982.6 tỷ 0.39 (0.52%)
Khối ngoại (ròng): -5.04 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	49.9	-0.16%
Giá vàng	1,951	0.07%
Tỷ giá USD/VND	23,093	0.06%
Tỷ giá EUR/VND	28,464	0.43%
Tỷ giá JPY/VND	22,460	-0.04%
LS liên NH 1 tháng	0.4%	0.00%
LS TPCP 5 năm	1.2%	0.41%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
CTG	108.4	BSI	-37.8
VCB	61.0	KBC	-33.9
HDB	51.8	VHC	-27.9
HPG	49.7	VND	-26.8
VRE	45.9	BMP	-21.0
Nguồn: BSC Research			

Mục lục	
Tổng quan thị trường	Trang 1
i-Invest	Trang 2
Thị trường hàng hóa	Trang 3
Tin hiệu cổ phiếu	Trang 4
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Khuyến nghị dài hạn	Trang 9
Báo cáo mới nhất	Trang 10
iBroker	Trang 11
Khuyến cáo sử dụng	Trang 12

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Cổ phiếu đầu ngành tài chính_2.4%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	6/26 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	2.4%	7.1%	7.1%	7.1%	7.1%	7.1%	19.1%
Ngân Hàng	2.3%	7.1%	7.1%	7.1%	7.1%	7.1%	5.7%
Top 10 cổ phiếu VN30	2.2%	4.2%	4.2%	4.2%	4.2%	4.2%	13.3%
VN FinSelect	2.1%	6.5%	6.5%	6.5%	6.5%	6.5%	19.0%
Dầu khí	1.4%	4.3%	4.3%	4.3%	4.3%	4.3%	29.2%
Bất động sản & Khu công nghiệp	1.2%	6.7%	6.7%	6.7%	6.7%	6.7%	13.4%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.8%	4.9%	4.9%	4.9%	4.9%	4.9%	14.5%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.6%	5.1%	5.1%	5.1%	5.1%	5.1%	16.3%
VN Diamond	0.4%	4.1%	4.1%	4.1%	4.1%	4.1%	16.7%
FTSE Việt Nam	0.3%	3.1%	3.1%	3.1%	3.1%	3.1%	12.0%
Corona Avengers	0.2%	2.7%	2.7%	2.7%	2.7%	2.7%	16.8%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.1%	3.0%	3.0%	3.0%	3.0%	3.0%	12.1%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.1%	3.8%	3.8%	3.8%	3.8%	3.8%	16.5%
Đầu tư công	0.0%	4.2%	4.2%	4.2%	4.2%	4.2%	20.5%
Xây dựng	0.0%	2.4%	2.4%	2.4%	2.4%	2.4%	11.9%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.1%	1.2%	1.2%	1.2%	1.2%	1.2%	9.3%
Vật liệu Xây dựng	-0.1%	1.9%	1.9%	1.9%	1.9%	1.9%	13.8%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.2%	3.2%	3.2%	3.2%	3.2%	3.2%	26.3%
Chiến tranh thương mại	-0.3%	1.9%	1.9%	1.9%	1.9%	1.9%	14.3%
Cổ phiếu ngành Dược	-0.4%	0.6%	0.6%	0.6%	0.6%	0.6%	19.0%
Lãi suất giảm	-0.4%	1.7%	1.7%	1.7%	1.7%	1.7%	21.8%
Stay-at-home	-0.4%	-0.3%	-0.3%	-0.3%	-0.3%	-0.3%	8.1%
Hàng tiêu dùng	-0.5%	0.4%	0.4%	0.4%	0.4%	0.4%	9.8%
Bất động sản Khu công nghiệp	-0.7%	3.3%	3.3%	3.3%	3.3%	3.3%	24.6%
EVFTA	-0.7%	4.0%	4.0%	4.0%	4.0%	4.0%	28.3%
Nước & Năng lượng	-0.9%	1.5%	1.5%	1.5%	1.5%	1.5%	20.3%

Mục tiêu	5/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
M12	1.4%	4.6%	4.6%	4.6%	4.6%	4.6%	1.7%
M31	1.4%	4.1%	4.1%	4.1%	4.1%	4.1%	8.5%
L11	1.2%	3.4%	3.4%	3.4%	3.4%	3.4%	3.3%
S11	1.2%	2.7%	2.7%	2.7%	2.7%	2.7%	10.4%
L32	1.0%	2.9%	2.9%	2.9%	2.9%	2.9%	13.6%
M22	0.7%	3.7%	3.7%	3.7%	3.7%	3.7%	7.7%
S21	0.6%	3.7%	3.7%	3.7%	3.7%	3.7%	12.4%
S32	0.1%	2.9%	2.9%	2.9%	2.9%	2.9%	15.0%
L22	0.1%	4.1%	4.1%	4.1%	4.1%	4.1%	18.4%

Khẩu vị Rủi ro	0/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
MID1	0.8%	3.1%	3.1%	3.1%	3.1%	3.1%	6.7%
HIGH3	0.6%	3.7%	3.7%	3.7%	3.7%	3.7%	8.4%
LOW1	-0.3%	5.2%	5.2%	5.2%	5.2%	5.2%	27.9%

INDEX							
VNINDEX	0.9%	3.6%	3.6%	3.6%	3.6%	3.6%	4.7%
VN30INDEX	0.9%	4.0%	4.0%	4.0%	4.0%	4.0%	9.2%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	26	6	20	12	14	12	14
Mục tiêu	9	5	4	5	4	5	4
Rủi ro	3	0	3	2	1	2	1

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
Vũ Quốc Khánh

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>
khanhvq@bsc.com.vn

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 6/1

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	47.49	-0.27%	-0.30%	4.50%	-17.00%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	50.89	-0.39%	0.00%	5.60%	-13.98%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	136.84	-0.33%	0.60%	9.30%	-15.68%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1942.60	-0.02%	3.40%	5.50%	25.13%		PNJ
Bạc	USD/ounce	27.33	0.37%	4.30%	13.60%	52.34%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1327.25	1.09%	5.60%	14.90%	36.51%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	641.75	-0.04%	4.50%	9.00%	10.36%		AFX
Sữa	USD /cwt	16.15	4.73%	-1.60%	3.30%	-3.87%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	233.89	0.35%	2.60%	-5.10%		DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	15.76	1.74%	5.80%	8.60%	10.75%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	126.15	-1.64%	0.20%	6.50%	-8.25%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	7860.50	1.22%	0.20%	3.70%	28.05%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	679.69	1.05%	3.30%	17.20%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC	USD/ton	696.56	0.64%	1.10%	12.70%			
Nhôm	USD/ton	2031.50	2.63%	1.30%	-0.70%	10.83%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	159.51	3.17%	0.70%	20.70%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	81.20	0.87%	-3.90%	16.30%	6.28%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 2/2021 giảm 71 US cent hay 1.4% xuống 51.09 USD/thùng và dầu thô WTI kỳ hạn tháng 2/2021 giảm 90 US cent hay 1.9% xuống 47.62 USD/thùng.
- OPEC+ sẽ khôi phục đàm phán trong ngày 5/1 sau khi bế tắc về mức sản lượng dầu mỏ trong tháng 2 khi Saudi Arabia chống lại việc bơm thêm do các đợt phong tỏa mới vì virus corona, trong khi Nga dẫn đầu các cuộc kêu gọi tăng sản lượng với lý do nhu cầu phục hồi.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 2.4% lên 1,934.13 USD/ounce và vàng kỳ hạn tháng 2/2021 trên sàn New York tăng 2.7% lên 1,946.6 USD/ounce. USD giảm xuống mức thấp nhất 2.5 năm. Các nhà đầu tư đang theo dõi cuộc bầu cử nước rút tại Georgia trong ngày 5/1, sẽ quyết định đảng nào kiểm soát Thượng viện.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 5/2021 trên sàn Đại Liên tăng 3.4%. Thép thanh tại Thượng Hải tăng 1.8%, trong khi thép cuộn cán nóng tăng 0.1%.

Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn tháng 6/2021 trên sàn Osaka tăng 13.5 JPY lên 240.4 JPY/kg. Giá cao su kỳ hạn tháng 5/2021 trên sàn Thượng Hải tăng 445 CNY lên 14,254 CNY/tấn

Giá nông sản

- Giá đường thô kỳ hạn tháng 3/2021 tăng 1.7% lên 15.76 US cent/lb. Đường trắng kỳ hạn tháng 3/2021 tăng 2.2% lên 430.3 USD/tấn. Các nguồn cung đường đang khan hiếm vì nhà sản xuất đường hàng đầu Brazil đang không trong vụ thu hoạch, xuất khẩu của Ấn Độ không thể bù đắp cho sự chậm trễ trong đầu vụ và sản lượng tại Thái Lan vẫn gây thất vọng.
- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 3 giảm 2.1 US cent hay 1.6% xuống 1.2615 USD/lb. Lượng mưa trong tháng 12/2020 tại các vùng cà phê arabica của Brazil đã vượt mức trong bình 5 năm vào tháng này, có thể sẽ cải thiện triển vọng năm 2021. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 3 giảm 14 USD hay 1% xuống 1,372 USD/tấn.

	6/1	% 6/1	5/1	% 5/1	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1143.21	0.94%	1132.55	1.08%	3.98%	11.92%
S&P 500			3726.86	0.71%	-0.23%	1.58%
HĐTL S&P500	3693.50	-0.67%	3718.25	0.70%	-0.71%	1.00%
Shang- hai	3550.88	0.63%	3528.68	0.73%	5.09%	3.09%
Euro Stoxx	3552.82	0.14%	3547.85	-0.46%	-0.80%	1.02%

Phân tích kỹ thuật

MPC_Tăng giá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Xuất hiện Golden Cross.
- Chỉ báo RSI: Tiệm cận vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: MPC đang ở trong trạng thái tiếp tục tăng giá sau khi đã có giai đoạn điều chỉnh ngắn hạn trong nửa cuối tháng 12. Thanh khoản gia tăng trở lại trong phiên hôm nay đã đẩy cổ phiếu đóng cửa với mức tăng 4.79% khá ấn tượng. Các chỉ báo xu hướng hiện đang ở trong trạng thái khả quan. Đường MACD vừa cắt lên trên đường tín hiệu nên cổ phiếu có thể duy trì được đà tăng trong ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của MPC nằm tại khu vực xung quanh 29.5. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại mức 36, cắt lỗ nếu ngưỡng 28.4 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Dự báo KQKD

- Năm 2020, doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế của MPC lần lượt đạt 17,264 tỷ (+2% YoY) và 576 tỷ (30% YoY), tương đương EPS 2020 đạt 2,901 VND/cp, P/E fw 2020 là 10.0 lần.
- Năm 2021, doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế của MPC lần lượt đạt 19,419 tỷ (+12.4% YoY) và 695 tỷ (+20.6% YoY), tương đương EPS 2021 đạt 3,498 VND/cp, P/E fw 2020 là 8.3 lần.

Catalyst

- Hiệp định EV – FTA có hiệu lực giúp kích thích xuất khẩu vào thị trường EU
- Tăng tỷ lệ tự chủ nguồn nguyên liệu nhờ (i) áp dụng công nghệ mới vào vùng nuôi cũ và (ii) triển khai vùng nuôi mới 3,000 ha

Rủi ro Đầu tư

- Tiến độ chậm trễ/ Kết quả kém khả quan của vụ kiện điều tra thuế
- Dịch bệnh diễn biến phức tạp trong 6 tháng cuối năm làm giảm việc phục hồi của nhu cầu tiêu thụ tôm

Chi tiết tham khảo BSC – iBroker: **MPC 2020Q3**

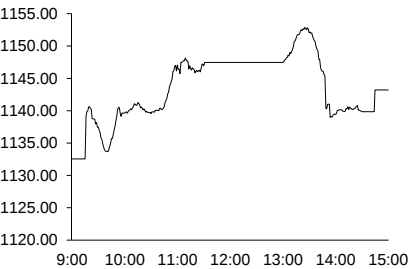
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Hóa chất	-1.67%
Du lịch và Giải trí	-0.66%
Thực phẩm và đồ uống	-0.61%
Bán lẻ	-0.48%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.19%
Công nghệ Thông tin	-0.14%
Xây dựng và Vật liệu	-0.03%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.08%
Y tế	0.25%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.30%
Bất động sản	0.51%
Truyền thông	0.54%
Dầu khí	0.61%
Bảo hiểm	0.68%
Tài nguyên Cơ bản	0.74%
Viễn thông	0.78%
Dịch vụ tài chính	1.09%
Ô tô và phụ tùng	1.63%
Ngân hàng	3.25%

Hình 1

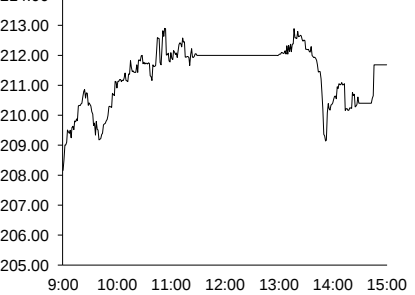
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

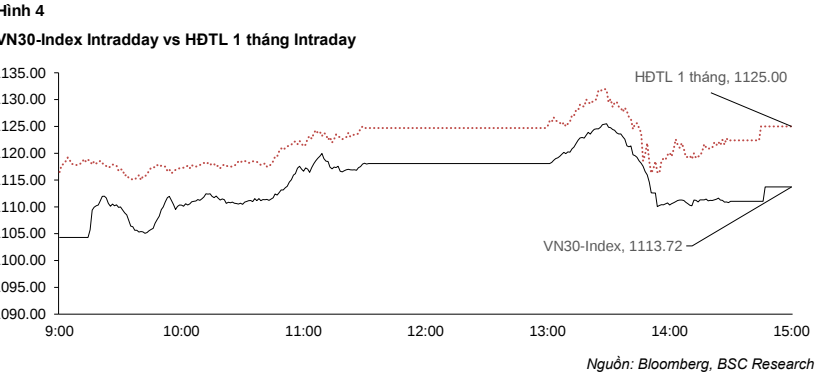
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
1/5/2021	LSS	8.61	10.2	7.5	9.21	1	6.97%	Có thể tiếp tục mua
1/4/2021	PWA	12.9	16.5	12	14.3	2	10.85%	Có thể tiếp tục mua
12/31/2020	ANV	24.9	29	22	24.6	6	-1.20%	Có thể tiếp tục mua
12/24/2020	TCH	19.46	21.46	18.54	20.8	13	6.89%	Có thể tiếp tục mua
12/23/2020	DPG	31.6	36	29	32.55	14	3.01%	Có thể tiếp tục mua
12/22/2020	CTI	15.05	18	13.5	15.9	15	5.65%	Có thể tiếp tục mua
12/18/2020	MBB	23.1	29	21.5	25.3	19	9.52%	Có thể tiếp tục mua
12/17/2020	VPG	16.7	20	15.5	19.25	20	15.27%	Cần nhắc không mua thêm (**)
12/16/2020	PLP	8.52	12	7.5	10.8	21	26.76%	Có thể tiếp tục mua
12/10/2020	NVL	63.8	75	60	66.7	27	4.55%	Có thể giữ nguyên vị thế
12/7/2020	HT1	16.95	20	15	18.9	30	11.50%	Có thể tiếp tục mua
12/4/2020	CTG	34.2	39.9	30.07	37.85	33	10.67%	Có thể tiếp tục mua
11/18/2020	VGT	9.3	11.2	8.5	10.4	49	11.83%	Có thể tiếp tục mua
10/22/2020	SJS	24.6	29	22.5	27.7	76	12.60%	Có thể tiếp tục mua
9/29/2020	VNM	108.2	119.39	97.6	109.8	99	1.48%	Có thể tiếp tục mua
9/14/2020	TCT	26.49	33.18	23.71	30.3	114	14.38%	Có thể tiếp tục mua
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
12/30/2020	NHH	54	60	51.5	TP	7	11.11%
12/29/2020	HII	16.1	18	15	TP	2	11.80%
12/28/2020	DRH	9.52	11.2	8	TP	7	17.65%
12/25/2020	OGC	7.58	8.4	6.9	TP	4	10.82%
12/21/2020	PVB	17.5	21.5	16.5	SL	1	-5.71%
12/15/2020	LTG	25.8	28.5	24.5	TP	20	10.47%
12/14/2020	KSB	30.45	35	26	TP	22	14.94%
12/11/2020	DBC	46.15	55	42	TP	18	19.18%
12/9/2020	BVH	57.9	65	55	TP	19	12.26%
12/8/2020	GEX	21	23.5	18.3	TP	15	11.90%
12/3/2020	OIL	8.5	9.5	8	TP	18	11.76%
12/2/2020	LPB	11.55	14.09	10.24	TP	35	21.99%
12/1/2020	FRT	24.3	26.75	23.25	TP	3	10.08%
11/30/2020	PLP	7.44	8.2	7.15	TP	16	10.22%
11/27/2020	POW	10.25	12	9.5	FS	17	16.10%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	15	1	10.13%	-1.20%	9.42%	34
Cổ phiếu đã chốt	95	37	12.39%	-7.41%	6.84%	29

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2101	1125.00	1.26%	11.28	7.4%	163,112	1/21/2021	17
VN30F2102	1126.30	1.16%	12.58	29.1%	666	2/18/2021	45
VN30F2103	1127.00	1.18%	13.28	-43.4%	64	3/18/2021	73
VN30F2106	1128.50	1.30%	14.78	25.6%	98	6/17/2021	164

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng +9.42 điểm lên 1113.72 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VCB, CTG, EIB, HPG, HDB tác động mạnh đến đà tăng của VN30. VN30 tăng mạnh trong phiên sáng lên trên 1120 điểm. Sang phiên chiều, VN30 thu hẹp đà tăng về trên 1110 điểm. VN30 có thể vận động giằng co quanh 1110 điểm trong những phiên tiếp theo.
- Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch,ngoại trừ VN30F2102, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, các hợp đồng đều tăng. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 1095 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CTCB2013	5/4/2021	118	1:1	332,400	33.18%	4,700	12,500	13.74%	10,591	1.18	27,700	23,000	33,200
CHDB2007	4/27/2021	111	8:1	566,200	33.44%	1,300	3,110	9.89%	241	12.90	26,363	21,363	25,650
CHPG2018	5/14/2021	128	4:1	500,900	32.27%	1,200	3,940	6.49%	3,341	1.18	34,799	29,999	42,800
CHPG2017	2/18/2021	43	4:1	589,000	32.27%	1,000	3,840	4.92%	3,518	1.09	32,888	28,888	42,800
CMBB2009	4/1/2021	85	0.82:1	482,000	27.19%	1,700	5,400	4.85%	3,260	1.66	22,400	19,000	25,300
CMBB2011	3/12/2021	65	1:1	222,800	27.19%	3,800	9,790	4.71%	9,632	1.02	19,800	16,000	25,300
CVRE2014	5/4/2021	118	3.27:1	337,500	32.71%	4,600	7,410	3.93%	6,504	1.14	32,100	27,500	33,200
CTCB2010	4/1/2021	85	2:1	625,500	33.18%	2,000	6,260	3.47%	5,970	1.05	25,500	21,500	33,200
CSTB2013	3/12/2021	65	1:1	508,300	35.07%	3,200	6,200	3.16%	6,103	1.02	15,200	12,000	18,000
CVIC2006	4/1/2021	85	3.27:1	726,700	25.18%	1,700	2,670	2.69%	2,425	1.10	104,000	87,000	110,200
CVHM2007	2/8/2021	33	5:1	558,800	28.91%	2,900	4,260	2.65%	4,026	1.06	89,500	75,000	94,800
CVPB2012	4/1/2021	85	2:1	520,700	36.36%	2,000	6,080	2.36%	5,834	1.04	27,000	23,000	34,400
CHPG2012	1/18/2021	12	0.82:1	901,100	32.27%	6,100	26,000	1.96%	16,341	1.59	26,670	21,680	42,800
CFPT2011	4/1/2021	85	5:1	790,900	23.27%	1,700	3,270	1.87%	2,989	1.09	56,500	48,000	62,400
CVPB2011	4/1/2021	85	8:1	408,400	36.36%	1,900	5,720	1.24%	5,423	1.05	27,800	24,000	34,400
CTCB2009	3/30/2021	83	1:1	238,200	33.18%	4,400	11,670	0.69%	11,441	1.02	26,400	22,000	33,200
CSTB2007	4/27/2021	111	2:1	491,200	35.07%	1,500	3,660	0.27%	3,605	1.02	13,999	10,999	18,000
CMWG2015	5/10/2021	124	1:1	793,400	28.46%	1,900	2,750	-1.08%	2,379	1.16	119,000	100,000	121,300
CFPT2016	6/22/2021	167	5:1	519,600	23.27%	2,580	3,230	-1.52%	2,741	1.18	62,900	50,000	62,400
Tổng				10,113,600	30.99%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
				**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 6/1/2021, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng mạnh.
- CTCH2001 và CKDH2004 tăng mạnh lần lượt là 21.09% và 20.50%. CHPG2026 giảm mạnh -10.50%. Giá trị giao dịch tăng 28.67%. CHPG2012 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 16.62% thị trường.
- CTCB2007, CHPG2023, CSTB2012, CVPB2008, và CSTB2013 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CMSN2012, CHPG2023, và CHPG2016 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CHPG2020, CMSN2010, và CHPG2012 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi.

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
VCB	105.00	5.74	2.96
CTG	37.85	6.92	2.32
EIB	20.50	5.13	1.33
HDB	25.65	3.64	1.28
HPG	42.80	1.06	1.04

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
VNM	109.8	-0.90	-0.84
MSN	88.3	-1.12	-0.52
VHM	94.8	-0.84	-0.44
VJC	123.7	-0.88	-0.37
FPT	62.4	-0.48	-0.24

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	121.3	-0.5%	1.2	2,387	5.3	8,517	14.2	3.6	49.0%	29.0%
PNJ	Bán lẻ	81.2	-0.1%	1.2	803	2.6	4,592	17.7	3.7	49.0%	22.8%
BVH	Bảo hiểm	66.5	0.8%	1.5	2,146	4.3	1,731	38.4	2.4	28.4%	7.1%
PVI	Bảo hiểm	33.2	-0.3%	0.4	323	0.1	2,729	12.2	1.1	54.4%	9.1%
VIC	Bất động sản	110.2	0.5%	0.8	16,206	6.1	2,660	41.4	4.3	13.9%	11.0%
VRE	Bất động sản	33.2	-0.3%	1.1	3,280	14.2	1,001	33.2	2.7	30.5%	8.1%
VHM	Bất động sản	94.8	-0.8%	1.1	13,559	11.8	6,895	13.7	4.2	22.1%	35.4%
DXG	Bất động sản	17.1	0.3%	1.4	384	7.1	(151)		1.3	35.4%	-1.3%
SSI	Chứng khoán	34.0	0.7%	1.4	886	15.5	1,834	18.5	2.2	46.3%	11.5%
VCI	Chứng khoán	61.0	-2.9%	1.0	439	4.2	3,770	16.2	2.5	28.5%	15.9%
HCM	Chứng khoán	31.6	0.0%	1.6	419	6.9	1,705	18.5	2.2	47.4%	11.8%
FPT	Công nghệ	62.4	-0.5%	0.8	2,127	4.9	4,236	14.7	3.2	49.0%	23.1%
FOX	Công nghệ	60.8	2.7%	0.4	723	0.1	4,812	12.6	3.2	0.0%	28.3%
GAS	Dầu khí	90.4	0.4%	1.4	7,523	4.6	4,752	19.0	3.7	3.1%	19.7%
PLX	Dầu khí	55.3	0.4%	1.5	2,930	1.7	681	81.1	3.3	15.8%	4.3%
PVS	Dầu khí	19.1	2.1%	1.5	397	10.5	1,621	11.8	0.7	10.8%	6.3%
BSR	Dầu khí	10.4	4.0%	0.8	1,402	5.2	898	11.6	0.9	41.1%	8.5%
DHG	Dược	106.3	1.6%	0.4	604	0.1	5,405	19.7	4.1	54.8%	21.7%
DPM	Hóa chất	18.9	-1.0%	0.5	321	3.7	2,011	9.4	0.9	12.8%	10.4%
DCM	Hóa chất	14.1	-0.4%	0.5	323	2.8	858	16.4	1.1	2.9%	7.4%
VCB	Ngân hàng	105.0	5.7%	1.1	16,932	9.3	4,630	22.7	4.2	23.7%	19.7%
BID	Ngân hàng	48.8	1.9%	1.4	8,534	7.8	2,126	23.0	2.5	17.4%	12.5%
CTG	Ngân hàng	37.9	6.9%	1.2	6,127	24.9	2,948	12.8	1.7	28.9%	14.0%
VPB	Ngân hàng	34.4	0.1%	1.2	3,671	9.3	4,111	8.4	1.7	23.4%	22.2%
MBB	Ngân hàng	25.3	1.5%	1.1	3,079	24.5	2,968	8.5	1.5	22.9%	20.0%
ACB	Ngân hàng	29.9	1.9%	0.9	2,810	20.6	3,109	9.6	2.0	30.0%	23.0%
BMP	Nhựa	62.9	-2.5%	0.8	224	1.2	6,186	10.2	2.2	83.0%	20.7%
NTP	Nhựa	36.6	-1.6%	0.4	187	0.2	3,820	9.6	1.6	19.0%	17.5%
MSR	Tài nguyên	22.4	-0.9%	0.4	1,070	2.1	356	62.9	1.8	11.7%	2.9%
HPG	Thép	42.8	1.1%	1.2	6,166	33.3	3,241	13.2	2.6	32.9%	21.3%
HSG	Thép	23.7	-0.4%	1.5	458	7.4	2,507	9.5	1.6	11.9%	19.2%
VNM	Tiêu dùng	109.8	-0.9%	0.7	9,976	13.6	4,784	23.0	7.8	57.8%	35.3%
SAB	Tiêu dùng	198.5	-0.3%	0.8	5,535	1.4	6,312	31.4	6.4	63.2%	22.6%
MSN	Tiêu dùng	88.3	-1.1%	1.0	4,510	9.1	2,067	42.7	5.0	33.6%	8.9%
SBT	Tiêu dùng	21.3	-0.5%	1.0	570	3.4	702	30.3	1.8	7.2%	5.5%
ACV	Vận tải	81.5	-0.6%	0.8	7,714	0.7	3,450	23.6	4.8	3.4%	22.3%
VJC	Vận tải	123.7	-0.9%	1.1	2,817	3.4	(1,528)		4.6	18.7%	-5.6%
HVN	Vận tải	28.2	-0.5%	1.7	1,736	1.4	(7,345)		5.9	9.2%	-83.7%
GMD	Vận tải	33.4	-1.2%	0.9	438	5.3	1,179	28.3	1.7	38.8%	5.8%
PVT	Vận tải	14.5	0.0%	1.2	203	3.1	1,709	8.5	1.0	14.3%	12.5%
VCS	Vật liệu xây dựng	87.0	0.0%	1.1	587	0.9	8,260	10.5	3.6	3.4%	39.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	27.8	2.2%	0.7	541	0.6	1,411	19.7	2.0	7.6%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	18.9	0.5%	0.9	314	1.3	1,762	10.7	1.3	6.0%	11.9%
CTD	Xây dựng	76.2	-0.4%	1.1	253	4.5	7,505	10.2	0.7	46.2%	6.9%
CII	Xây dựng	22.3	0.0%	0.3	232	3.3	114	195.4	1.0	28.5%	0.5%
REE	Điện	50.0	-0.4%	-1.4	672	1.0	4,599	10.9	1.4	49.0%	13.7%
PC1	Điện	23.5	0.0%	-0.4	195	0.4	2,241	10.5	1.2	13.7%	11.8%
POW	Điện	13.9	-2.1%	0.6	1,415	9.7	679	20.5	1.2	8.5%	5.8%
NT2	Điện	24.7	0.0%	0.5	309	0.7	2,103	11.7	1.7	18.7%	14.6%
KBC	Khu công nghiệp	26.2	-3.0%	0.9	535	12.3	879	29.8	1.3	15.6%	4.4%
BCM	Khu công nghiệp	44.6	4%	1.0	2,007	0.5			3.1	1.9%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	105.00	5.74	5.69	2.08MLN
CTG	37.85	6.92	2.46	15.42MLN
BID	48.80	1.88	0.98	3.67MLN
BCM	44.60	4.45	0.53	277300
VIC	110.20	0.46	0.46	1.28MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
GVR	0.00	-0.81	6.48MLN	1.11MLN
VHM	0.00	-0.72	2.84MLN	607060
VNM	0.00	-0.56	2.82MLN	373600
MSN	0.00	-0.32	2.34MLN	192700
POW	0.00	-0.19	15.81MLN	611640

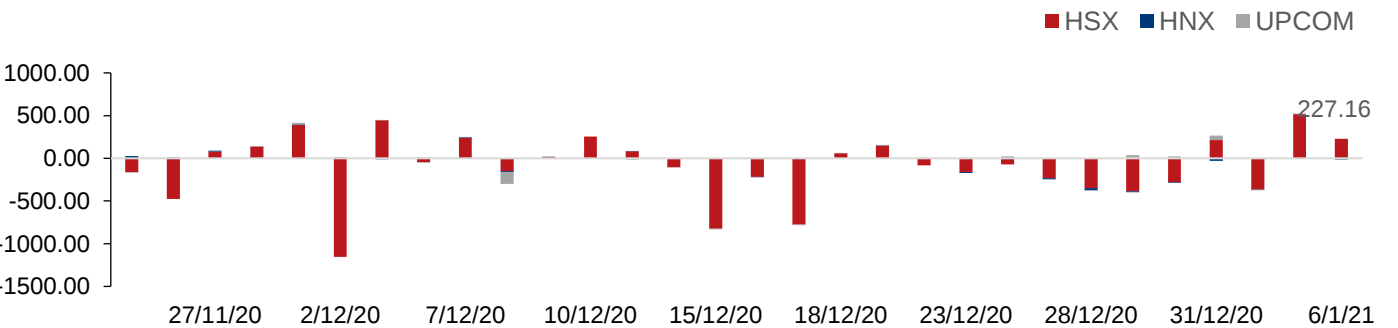
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SMA	10.00	7.00	0.00	2800.00
VDS	13.00	7.00	0.02	2.40MLN
NVT	5.67	6.98	0.01	43100
BKG	16.10	6.98	0.01	647500
LSS	9.21	6.97	0.01	1.37MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HOT	32.60	-6.99	-0.01	200
CCI	17.25	-6.76	-0.01	10400
COM	43.90	-6.60	-0.01	1800.00
L10	17.10	-6.56	0.00	600
CDC	17.60	-5.88	-0.01	124500

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	14.6	1,412	10.3	0.9	Click
2	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/20	20.3	27.0	29.9	3,109	9.6	2.0	Click
3	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	81.5	3,450	23.6	4.8	Click
4	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/20	20.6	N/a	28.6	4,752	6.0	1.3	Click
5	CTG	Ngân hàng	Mua	17/9/20	25.6	30.0	37.9	2,948	12.8	1.7	Click
6	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	58.0	13,673	4.2	1.5	Click
7	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/20	38.9	43.2	51.3	5,316	9.7	2.0	Click
8	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/20	26.9	32.1	82.5	5,241	15.7	3.4	Click
9	DHG	Dược	Theo dõi	31/1/20	93.0	89.5	106.3	5,405	19.7	4.1	Click
10	DPM	Hóa chất	Theo dõi	21/9/20	16.9	18.4	18.9	2,011	9.4	0.9	Click
11	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	22.8	1,918	11.9	1.7	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	12/11/20	12.7	17.3	17.1	-151		1.3	Click
13	FPT	Viễn thông	Mua	28/9/20	50.3	63.6	62.4	4,236	14.7	3.2	Click
14	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	33.4	1,179	28.3	1.7	Click
15	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	43.3	6,418	6.7	2.2	Click
16	HPG	VLXD	Mua	9/11/20	30.3	41.0	42.8	3,241	13.2	2.6	Click
17	HSG	VLXD	Theo dõi	30/9/20	15.2	15.8	23.7	2,507	9.5	1.6	Click
18	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	26.2	879	29.8	1.3	Click
19	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	30.0	2,067	14.5	2.2	Click
20	KDH	Bất động sản	Mua	3/10/20	23.0	28.9	30.0	2,067	14.5	2.2	Click
21	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	14.0			1.1	Click
22	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	30.6	2,528	12.1	1.2	Click
23	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	88.3	2,067	42.7	5.0	Click
24	MWG	Bán lẻ	Mua	21/8/20	81.7	117.5	121.3	8,517	14.2	3.6	Click
25	NLG	Bất động sản	Mua	24/6/20	25.0	34.6	31.9	2,627	12.1	1.6	Click
26	NTC	Cao su	Theo dõi	18/12/19	170.0	N/a	288.0	9,855	29.2	11.9	Click
27	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	64.9	3,674	17.7	2.8	Click
28	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	29.8	1,928	15.5	1.8	Click
29	PNJ	Tiêu dùng	Mua	30/10/20	69.5	80.0	81.2	4,592	17.7	3.7	Click
30	PVD	Dầu khí	Theo dõi	1/9/20	11.4	13.5	17.6	0	30.1	0.5	Click
31	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/19	16.8	20.2	14.5	1,709	8.5	1.0	Click
32	QNS	Thực phẩm	Mua	1/2/20	28.7	35.0	40.5	4,313	9.4	1.9	Click
33	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	198.5	6,312	31.4	6.4	Click
34	SBT	Đường	Theo dõi	14/10/20	16.4	18.6	21.3	702	30.3	1.8	Click
35	SZC	Bất động sản	Mua	20/5/18	18.7	22.2	37.0	1,816	20.4	3.0	Click
36	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/5/20	21.3	25.0	33.2	3,258	10.2	1.7	Click
37	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	11/9/20	82.5	90.0	105.0	4,630	22.7	4.2	Click
38	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	48.0	5,479	8.8	2.4	Click
39	VGI	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	10.4	885	11.8	0.8	Click
40	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	41.1	4,092	10.0	1.4	Click
41	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	109.8	4,784	23.0	7.8	Click
42	VPB	Ngân hàng	Mua	11/6/20	22.5	29.0	34.4	4,111	8.4	1.7	Click
43	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	33.2	1,001	33.2	2.7	Click
44	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	107.7	4,105	26.2	9.2	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		X	Click
2	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	X		Click
3	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	X		Click
4	Chemical sector Outlook 2H.2020		X	Click
5	Banking sector Outlook 2H.2020		X	Click
6	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	X		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		X	Click
8	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	X		Click
9	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	X		Click
10	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	X		Click
11	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	X		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
13	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	X		Click
14	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	X		Click
15	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	X		Click
16	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	X		Click
17	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
18	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	X		Click
19	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	X		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
21	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	X		Click
22	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		x	Click
23	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	X		Click
24	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	X		Click
25	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	X		Click
26	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019		x	Click
27	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III	X		Click
28	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	X		Click
29	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_18092019		x	Click
30	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	X		Click
31	07082019_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019		x	Click
32	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019	X		Click
33	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II	X		Click
34	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA_27062019		x	Click
35	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019	X		Click
36	Báo cáo Tổng kết KQKD Q1.2019_BSC_03062019		x	Click
37	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 04.2019	X		Click
38	24042018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2019		x	Click
39	Vĩ Mô &Thị Trường Quý I.2019	X		Click
40	Báo cáo Tổng kết KQKD 2018_BSC Research_20032019		x	Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express SBT 2020Q4	29/10/20	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 18600 ; Giá tại Publish 14500 Dự báo KQKD: Chúng tôi dự báo KQKD SBT ND 2020/21 sẽ đạt DTT và LNST lần lượt là 14,682 tỷ đồng (+13.6% YoY) và LNST là 448 tỷ đồng (+24% YoY), tương đương EPS fw là 738 đồng/cp – PE fw là 19x và PB fw là 1x. Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 79390 ; Giá tại Publish 66000
Express PNJ 2020Q4	22/10/20	Dự báo KQKD: 2020: DTT và LNST đạt lần lượt là 15,995 tỷ đồng (-6.7% YoY) và 917 tỷ đồng (-23% YoY), tương đương EPS fw 2020 là 4,030 đ/cp, PE fw = 16.5x và PB fw = 3x. 2021: DTT và LNST ước tính lần lượt 17,934 tỷ đồng (+12.1% YoY) và 1,024 tỷ đồng (+11.6% YoY) tương đương EPS 2021 fw = 4,478 đ/cp, PE Fw = 14.7x và PB fw = 2.7x. Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 15000 ; Giá tại Publish 11150
Express DXG 2020Q4	8/10/20	Cập nhật KQKD: BSC điều chỉnh dự báo kết quả kinh doanh năm 2020 của DXG với doanh thu và lợi nhuận sau thuế công ty mẹ 2020 ước tính lần lượt khoảng 3,730 tỷ đồng (-29.6% YoY) và 350 tỷ đồng (-71% YoY) do ảnh hưởng từ dịch Covid-19 đến mảng dịch vụ và trích lập dự phòng lỗ 526 tỷ từ việc thoái vốn LDG dựa trên giả định bàn giao khoảng 750 sản phẩm Gem Sky World trong Q4/2020. EPS 2020 = 635 đồng/cp. PE 2020FW = 17.2 lần

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639